

THANH TỊNH ĐẠO LUẬN TOẢN YẾU THÍCH PHƯỚC SƠN biên soạn

CHƯƠNG X - ĐỊNH - CÁC VÔ SẮC XỨ (Aruppa-niddesa)

1. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ (Akāsānantāyatana)

Sau khi hành giả tu tập 4 phạm trú đắc được các cấp thiền ở Sắc giới, tiếp tục tiến sâu hơn nữa vào cõi định, sẽ thấy rằng cõi sắc giới, vẫn còn có hàng ngàn thứ nguy hiểm, do thể hướng tâm về Không vô biên xứ thuộc cõi Vô sắc để tu tập. Hành giả tác ý đến khoảng Không vô biên ấy bằng cách thâm nhủ "Khoảng không, khoảng không". Khi hành giả vận dụng tâm, tứ tác ý đến cảnh giới ấy nhiều lần, thì những triền cái dần dần được chế ngự, niệm được an trú và tâm hành giả trở nên định tĩnh trong cận hành định, như bản luận nói: "Với sự hoàn toàn vượt qua sắc tướng, với sự biến mất những chướng ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng, hành giả biết rằng "Hư không là vô biên", chứng và trú **"Không vô biên xứ."** (Vbh. 245)

Hoàn toàn nghĩa là về mọi phương diện.

Vượt qua sắc tướng nghĩa là vượt qua, siêu việt các thiền chứng đã đạt được ở cõi sắc giới, **Với sự biến mất những chướng ngại tướng:** Chướng ngại tướng hay đối ngại tướng là những tướng khởi lên do căn tiếp xúc với trần tương ứng, như các tướng về sắc, thanh, hương, vị, xúc, đó là những đối ngại tướng. **Không tác ý các tướng sai biệt:** Một người chưa đắc đờ nh, mà có tướng về ý giới và ý thức giới, đó gọi là "Các tướng sai biệt".

Hư không vô biên nghĩa là biên giới sinh và diệt của nó không thể biết được. Cái khoảng không còn lại sau khi rời bỏ đề mục (biên xứ) tu tập gọi là "hư không". **Không vô biên xứ:** Cái gì không có giới hạn trong không gian thì gọi là hư không vô biên. Hư không vô biên này được xem như một "xứ" hay một khái niệm mà Thiền giả dùng để an trú. Nghĩa là tâm thiền giả lúc này tương ứng với một khoảng không bao la. Đó là những giải thích về đề mục thiền Không vô biên xứ.

2. THỨC VÔ BIÊN XỨ

Sau khi đạt được thiền chứng về **Không vô biên xứ**, hành giả lại khám phá rằng thiền chứng này vẫn còn có những mối nguy hiểm, nên tác ý đến **Thức vô biên xứ**, xem đây như là đối tượng an tịnh hơn. Rồi hành giả vận dụng tâm và tứ tác ý đến "xứ" ấy nhiều lần như "Thức là vô biên, thức là vô biên".

Khi hành giả hướng tâm thiền nhiều lần trên tướng ấy như vậy, những triền cái được từ bỏ, niệm được an trú, tâm trở nên định tĩnh trong cận hành định, như kinh văn mô tả: "Vị ấy hoàn toàn vượt qua Không vô biên xứ, biết rằng **Thức là vô biên**, chứng và trú **Thức vô biên xứ"**. (Vbh. 245)

Thức là vô biên: Hành giả tác ý đến khoảng không được biến mãn bởi thức, mà thức ấy thì bao la vô giới hạn, nên gọi là **Thức vô biên**. Hoặc là hành giả tác ý đến **cái thức** đã biến mãn hư không ấy. **Thức vô biên xứ:** Thức này là "xứ" hay môi trường, vì nó là nền tảng mà thiền giả đang hướng tâm tu tập.

3. VÔ SỞ HỮU XỨ

Khi hành giả muốn tu tập **vô sở hữu xứ** trước hết cần phải thành tựu sự thiện xảo theo 5 cách trong thiên chứng về **Thức vô biên xứ**. Thế rồi, thiên giả thấy được tính chất nguy hiểm trong **Thức vô biên xứ** như sau: "Thức này có Không vô biên xứ là kẻ thù gần của nó, và nó không được an tịnh như vô sở hữu xứ". Do đó, hành giả vận dụng tâm và tứ hướng đến vô sở hữu xứ tác ý nhiều lần như sau: "Không có gì cả", hoặc "Không, không", và liên tục quán sát nó.

Khi hành giả hướng tâm đến tướng ấy một cách thiện xảo, thì những triền cái bị áp đảo, niệm được an trú, và tâm hành giả tập trung ở cận hành định, như kinh văn nói: "Vị ấy hoàn toàn vượt qua **Thức vô biên xứ**, biết rằng "Không có gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**". (Vbh. 245)

Vô sở hữu xứ: "xứ" ở đây có nghĩa là chỗ trú, như "chư thiên xứ" là chỗ trú của chư thiên; do vậy, đây là một trú xứ không có sở hữu, nên gọi là vô sở hữu. Nó nói lên ý nghĩa Thức thuộc về không vô biên xứ đã biến mất.

4. PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ

Sau khi chứng đạt về định Vô sở hữu xứ, hành giả tiếp tục tư duy sâu hơn nữa, lại thấy rằng pháp định này còn có những nhược điểm, như sau: "Thiên này có Thức vô biên xứ là kẻ thù gần của nó, và nó không được an tịnh như Phi tướng phi phi tướng xứ".

Sau khi đã từ bỏ bám víu vào Vô sở hữu xứ, hành giả vận dụng tâm và tứ tác ý đến Phi tướng phi phi tướng xứ, xem cảnh giới này là an tịnh, bằng cách thâm nhủ "an tịnh, an tịnh".

Khi hành giả hướng tâm nhiều lần đến tướng ấy, thì những triền cái bị áp đảo, niệm được an trú, tâm trở nên tập trung trong cận hành định, như kinh văn mô tả: "Bằng cách vượt qua hoàn toàn Vô sở hữu xứ, hành giả chứng đạt và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ". (Vbh. 245)

Phi tướng phi phi tướng: Vì ở đây vắng bóng những tướng thô, nhưng có mặt những tướng vi tế. Hơn nữa, tướng ở đây không phải là tướng, vì nó không đủ sức mạnh để làm nhiệm vụ của tướng, nhưng nó cũng không phải là không hẳn, vì nó còn hiện diện trong một trạng thái vi tế, như một hành còn sót lại, nên gọi nó là **Không phải tướng cũng không phải không có tướng**. Ở đây không những **Tướng** mới có tính chất như vậy, mà **Thọ** cũng là phi thọ phi phi thọ, kể cả **Thức** và **Xúc** cũng thế.

Để làm sáng tỏ vấn đề trên, ở đây cần nêu một ví dụ như sau: Ví như một cái bát đựng đầy dầu vừa mới rót ra, nếu bảo cái bát ấy không có dầu thì không đúng, vì nó vẫn còn dính dầu. Nhưng nếu bảo cái bát ấy có dầu cũng không ổn, vì dầu ấy không thể sử dụng vào việc gì được.

TỔNG QUÁT

Trong 4 pháp thiên cõi Vô sắc này, Không vô biên xứ đầu tiên là do vượt qua những tướng về sắc pháp. Thức vô biên xứ thứ hai là do vượt qua Không vô biên xứ; Vô sở hữu xứ thứ ba là do vượt qua Thức Vô biên xứ và Phi tướng phi phi tướng thứ tư là do vượt qua Vô sở hữu xứ, nghĩa là do sự biến mất của Thức lấy hư không làm đối tượng. Ở đây nên nhớ rằng mỗi thiên Vô sắc này chỉ có 2 thiên chi là **xả** và **nhứt tâm** mà thôi. Tuy chỉ có 2 thiên chi trong cả bốn Vô sắc, nhưng phải hiểu rằng mỗi thiên kế tiếp bao giờ cũng vi tế hơn là bậc thiên trước nó.

Đến đây cũng cần mượn một ví dụ để trình bày vấn đề: Ví như có một cái lều dựng trên một chỗ dơ dáy. Rồi một người đi đến nhờm góm sự như uế, nên tựa 2 tay vào túp lều. Người thứ hai đi đến, liền dựa vào người ấy. Người thứ ba đi đến và nghĩ, cả 2 người kia không an toàn, vì nếu túp lều sụp đổ thì chúng sẽ gặp nguy hiểm, do vậy ta nên đứng ở ngoài. Thế rồi, một người thứ tư đi đến, thấy sự bất ổn của 2 người đầu, và nghĩ rằng người đứng ở ngoài an toàn hơn, nên y đứng dựa vào người ấy.

Cái khoảng không mà biến xứ đã dời bỏ, ví như căn lều dựng chỗ dơ uế. Thức thuộc Không vô biên xứ, lấy không gian làm đối tượng, do chán ghét các sắc vi tế, là giống như người đầu bám vào cái lều vì nhòm góm đồ dơ. Thức thuộc Thức vô biên xứ, mà sự sinh khởi nương vào Thức thuộc Không vô biên xứ, là ví như người tựa vào người bám cái lều. Thức thuộc Vô sở hữu xứ, thay vì lấy cái thức thuộc Không vô biên xứ làm đối tượng, lại lấy sự phi hữu của thức ấy làm đối tượng, ví như người thứ ba sau khi xét thấy bất ổn nơi hai người trước, không dựa vào người thứ hai, mà đứng ở ngoài. Thức thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ phát sinh nương nơi thức thuộc Vô sở hữu, cái thức ra ngoài, nghĩa là ở nơi phi hữu của thức trước đây, ví như người đứng dựa vào người thứ ba, sau khi đã xét thấy bất ổn ở hai người đầu, và nghĩ rằng người đứng ngoài là khéo đứng.

Chương thứ 10 này, trọng tâm mô tả về các Thiên Vô sắc giới, vừa được trình bày tóm tắt ở trên.

-ooOoo-

CHƯƠNG XI - ĐỊNH - MÔ TẢ

A. BỐN LOẠI THỰC PHẨM

Bây giờ, đến phần trình bày sự tu tập bất tịnh tương đối với thức ăn. Thông thường, thức ăn được chia thành 4 loại sau đây: 1. Đoàn thực (thức ăn vật chất); 2. Xúc thực, 3. Tư niệm thực (hành thực); 4. Và thức thực.

Ở đây, thức ăn có công dụng nuôi sống: **Đoàn thực** nuôi thân thể vật chất. **Xúc thực**: nuôi 3 cảm thọ (lạc, khổ và bất khổ bất lạc). **Hành thực** nuôi sự tái sinh trong 3 cõi hữu. Còn **Thức thực** nuôi danh sắc vào lúc tái sinh.

Khi có **Đoàn thực** thì có chấp thủ, đem lại nguy hiểm. Khi có **Xúc thực** thì có ái, đem lại nguy hiểm. Khi có **Hành thực** thì có tái sinh, đem lại nguy hiểm. Khi có **Thức thực** thì có kiết sinh (nối kết với sự tái sinh), đem lại nguy hiểm. Trong kinh ví dụ chúng ta phải nhờ thức ăn đoàn thực để nuôi thân xác này chẳng khác gì một người phải ăn thịt con mình để vượt qua bãi sa mạc hoang vu. (Trung ung II, 98)

Một người muốn tu tập quán bất tịnh về thức ăn, cần phải học thuộc đề mục thiên này, rồi tìm một nơi vắng vẻ, sống độc cư, để quán tưởng 10 khía cạnh bất tịnh của thức ăn sau đây: Ra đi, tìm kiếm, sử dụng, sự tiết lậu, chỗ chứa, vật không tiêu hóa, vật được tiêu hóa, kết quả, sự tuôn ra, sự vấy bẩn.

Một người dù đã xuất gia, sống trong một giáo pháp cao cả, vẫn phải cần đến thức ăn để duy trì đời sống. Do vậy, người ấy hằng ngày tay cầm bát đi lang thang từ nhà này đến nhà khác như một kẻ ăn mày, để nhận lấy thức ăn từ những thí chủ hảo tâm. Nhưng đến lúc sử dụng, thức ăn đã mất hết màu sắc và hương vị nguyên sơ của nó. Thức ăn ấy khi nuốt khỏi cổ, các dịch vị sẽ tiết ra để tiêu hóa nó, bấy giờ nó đã trở thành một thứ đáng buồn nôn. Nơi chứa đựng nó chẳng khác gì một thùng chứa phân đã 10 năm, hoặc 6, 7 mươi năm không rửa, nếu người ấy sống đến 70 - 80 tuổi. Thức ăn ấy nếu không được tiêu hóa, trộn lẫn với những thức ăn còn lại hôm trước, trở thành một thứ đáng gớm ghiếc, và là nguyên nhân gây ra bệnh hoạn. Nhưng nếu nó được tiêu hóa, nó sẽ sản xuất ra đủ thứ dơ dáy gồm tóc, lông, răng, móng v.v... Khi được nuốt vào, nó vào bằng một cửa nhưng khi tuôn ra, nó thoát ra bằng nhiều cửa, nói đúng hơn là thoát ra bằng cả 9 cửa (cửu khiểu). Khi nuốt vào, nó được nuốt cùng với một đám đông tu hợp vui vầy, nhưng khi tuôn ra, nó được bài tiết trong quạnh quẽ cô đơn. Vào lúc sử dụng nó, hành giả làm bẩn tay, môi, lưỡi, và những thứ này trở nên gớm ghiếc, vì dính đầy thức ăn. Đó là tóm tắt về 10 tính chất bất tịnh của thức ăn mà luận chủ đã quảng diễn khá phong phú.

Khi hành giả vận dụng tâm và tứ quán sát 10 khía cạnh bất tịnh như trên, thì tính chất đáng ghê tởm của thức ăn hiện rất rõ nơi hành giả. Nhờ đó, tâm hành giả sẽ dễ dàng tập trung ở định cận hành. Và nếu chưa chứng được mục tiêu bất tử trong đời này, ít nhất vị ấy cũng hướng đến một thiện thú tốt đẹp.

B. BÓN ĐẠI CHỨNG

Những kinh chuyên trình bày về 4 đại gồm có các kinh chủ yếu sau đây: Kinh Đại niệm xứ (Mahāsātipaṭṭhāna, D. II, 294), Tương tích dụ đại kinh (Mahāhatthipadūpama, M. I, 184), Kinh Giáo giới La Hầu La (Rāhulovāda, M. I. 421) và kinh Giới phân biệt (Dhātuvibhaṅga, M. III, 240).

Kinh Đại Niệm xứ dành cho hạng người lợi căn, trình bày vắn tắt phương pháp thiền quán 4 đại chứng như sau: "Này các Tỷ kheo, như một đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể, sau khi giết một con bò, và ngồi ở ngã tư đường, xẻ nó ra thành từng miếng, cũng vậy, một Tỷ kheo quán sát thân này, dù đặt như thế nào, sử dụng như thế nào cũng chỉ gồm có 4 đại: Trong thân này, đây là địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại". (D. II, 294).

Một cư sĩ hay một Tỷ kheo khi chưa tu tập phương pháp phân tích về tứ đại, thì thường thấy bản thân mình là một **con người**, một **chúng sinh** hay một **tự ngã**; nhưng khi Tỷ kheo ấy đã phân tích thân này cận kề, thì cái tưởng về **chúng sinh** sẽ biến mất, mà chỉ còn thấy một khối vật chất gồm 4 đại chứng mà thôi.

Ngoài bản kinh kể trên mô tả vắn tắt dành cho hạng người lợi căn, ba kinh còn lại trình bày tương đối tỉ mỉ về 4 đại, dành cho hạng người bình thường, như kinh Giới Phân biệt mô tả: "Này chư hiền, thế nào là **địa đại** ở bên trong? - Bất cứ cái gì ở nội thân thuộc cá nhân, thô phù kiên cứng, bị chấp thủ, như tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mỗ, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thô phù, kiên cứng, bị chấp thủ, đây gọi là **nội địa giới** (M. I.185).

"Và chư hiền, thế nào là **thủy giới** ở bên trong? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ như mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, mớ da, nước mắt, nước miếng, nước mũi, nước khớp xương, và nước tiểu, và bất cứ thứ gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, đây gọi là **nội thủy giới** (M. I. 187)

" Và chư hiền, thế nào là **nội hỏa giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa thuộc chất nóng, bị chấp thủ, cái gì khiến cho thân thể nóng lên, thiêu đốt, biến hoại, cái gì khiến cho những vật được ăn uống, nhai nếm có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ; đây gọi là **nội hỏa giới** (M. I. 188).

" Và này chư hiền, thế nào là **nội phong giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc về động tánh, bị chấp thủ, nghĩa là gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong bụng, gió trong ruột, gió thổi qua các chân tay, hơi thở vô, hơi thở ra, hay bất cứ cái gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, đây gọi là **nội phong giới** (M. I. 188).

Đối với những người lợi căn thì có thể quán sát về tứ đại ngay trong mình như sau: "Trong thân này, cái gì thuộc chất cứng, thô là **Địa đại (giới)**. Cái gì thuộc chất lỏng, chảy được, làm cho dính liền, là **Thủy đại**; Cái gì làm cho chín, làm cho nóng, là **Hỏa đại**; Cái gì duy trì hay chuyển động là **phong đại**". Nghĩa là quán thân này như là tứ đại mà thôi, chứ không phải là một chúng sinh, và không có tự ngã.

Khi hành giả nỗ lực bằng cách đó, thì không bao lâu định cận hành sẽ sinh khởi, được tăng cường bởi tuệ, soi sáng sự phân loại của các đại chứng, nhưng chưa đạt đến định an chỉ, vì các

đối tượng của nó là những đặc tính cá biệt.

Thế nhưng, nếu hành giả là hạng người thuộc căn cơ bình thường, thì nên tu tập đề mục thiền này theo 4 cách: 1. Lược thuyết các thành phần; 2. Quảng thuyết các thành phần; 3. Lược thuyết về các đặc tính; 4. Quảng thuyết về các đặc tính.

1. Lược thuyết về các thành phần (các thành phần này sẽ nói rõ ở phần Quảng thuyết):

Ở đây hành giả phân tích ngắn gọn như sau: "Cái gì có tính chất kiên cố, thuộc **địa đại**, gồm có 20 thành phần. Cái gì có tính chất dính liền thuộc **thủy đại**, gồm 12 thành phần; Cái gì làm cho chín, thuộc **hỏa đại**, gồm có 4 thành phần; Cái gì có tính chất duy trì, thuộc **phong đại**, gồm có 6 thành phần". Như vậy, toàn bộ tứ đại gồm có tất cả 42 thành phần.

Khi hành giả phân tích chúng như vậy, chúng sẽ trở nên rõ rệt, và nhờ tác ý nhiều lần định cận hành sẽ khởi lên nơi hành giả.

2. Quảng thuyết về các thành phần:

Hành giả khi phân tích về 4 đại chúng nên dùng 32 vật bất tịnh làm đối tượng để phân tích. Nhưng điểm khác nhau là ở đây phân tích 32 vật này về phương diện đại chúng, còn ở chương VIII, phân tích 32 vật này về phương diện bất tịnh. Trong 32 vật này **địa đại** gồm có 20 thành phần: tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột non, ruột già, bao tử, phân, não. **Thủy đại** gồm có 12 thành phần: Mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, mỡ nước, nước mắt, nước dãi, nước mũi, nước khớp xương, nước tiểu.

Cùng lúc hành giả tác ý đến các vật bất tịnh tóc, lông v.v..., cần phải chú tâm đến 4 thành phần thuộc **Hỏa đại** của chúng như sau: cái làm cho nóng, cái làm cho chín, cái làm cho biến đổi và cái làm cho tiêu hóa. Đồng thời cũng tác ý đến thân thể qua 6 thành phần thuộc **phong đại** sau đây: Sự chuyển động đi lên, sự chuyển động đi xuống, sự chuyển động trong bụng, sự chuyển động trong ruột, sự chuyển động ngang qua tứ chi và hơi thở vô hơi thở ra. Đó là cách chú tâm về phong đại theo 6 thành phần:

3. Lược thuyết về các đặc tính:

Nếu đã tác ý về các thành phần của tứ đại như trên, mà chưa đạt được mục đích thì hành giả hãy tác ý một cách tóm lược về các đặc tính của chúng như sau: Cái gì có tính chất cứng là thuộc **Địa đại**, cái gì có tính chất dính liền là thuộc **Thủy đại**, cái gì có tính chất làm cho chín là thuộc **Hỏa đại**, cái gì có tính chất bành trướng là thuộc **phong đại**. Đó là nói sơ lược về các đặc tính của 4 đại.

4. Quảng thuyết về các đặc tính:

Nhưng nếu đề mục thiền ấy vẫn chưa đạt được thành công thì hành giả hãy tác ý một cách tỉ mỉ theo 13 cách sau đây: a. Về ý nghĩa danh từ; b. Theo từng nhóm; c. Bằng những ví tế; d. Do đặc tính; đ. Do sự phát sinh; e. Về khía cạnh dị đồng; g. Về tính chất khả phân và bất khả phân; h. Về giống và khác; i. Về phân định trong ngoài; k. Về sự bao gồm; l. Về điều kiện; m. Về sự thiếu phản ứng tâm thức; n. Về sự phân tích các duyên (điều kiện).

a. Về phương diện ý nghĩa: Nếu nói một cách tổng quát thì 4 đại chúng đều là giới (dhātu) mang tính chất đau khổ. Nhưng nói theo cách phân biệt thì cái gì trải ra gọi là **địa**; cái gì trôi chảy gọi là **thủy**; cái gì làm cho nóng, gọi là **hoả**; cái gì chuyển động gọi là **phong**.

b. Theo từng nhóm: Trong 32 vật bất tịnh được chia thành 2 nhóm, nhóm địa đại gồm 20 thành phần và nhóm thủy đại gồm 12 thành phần.

c. *Bằng những ví thể*: Trong thân ta, địa đại kể như đã nghiền thành bụi nhỏ như cõ vi trần; nó được kết hợp với thủy đại, được duy trì bằng hỏa đại, và được tăng trưởng nhờ phong đại.

d. *Về đặc tính*: **Địa đại** có đặc tính **cứng**; **Thủy đại** có đặc tính **chảy**; **Hỏa đại** có đặc tính **nóng**; và **phong đại** có đặc tính **bành trướng**.

đ. *Về nguồn gốc phát sinh*: Trong 32 vật gồm **địa đại** và **thủy đại** là do thời sinh và tâm sinh; **hỏa đại** làm tiêu hóa thức ăn, là nghiệp sinh; **phong đại**, tức hơi thở là tâm sinh.

e. *Về khía cạnh dị đồng*: Bốn đại chủng tuy đặc tính, nhiệm vụ và tướng trạng khác nhau, nhưng chúng cùng có chung một đặc tính là thuộc về sắc pháp.

g. *Về tính khả phân và bất khả phân*: Bốn đại có thể phân tích riêng theo đặc tính của chúng, đó là tính khả phân; nhưng chúng cùng gồm chung trong 4 phương diện là: màu, mùi, vị và đường chất, đó là tính bất khả phân.

h. *Về phương diện giống và khác*: Mặc dù chúng cùng chung là sắc pháp nhưng 2 đại **địa** và **thủy** có tính nặng, 2 đại **hỏa** và **phong** có tính nhẹ. Đó là chỗ khác nhau của chúng.

i. *Về phân định trong ngoài*: Bốn đại ở nội giới làm cơ sở cho thức tồn tại, còn 4 đại ở ngoại giới thì làm đối tượng cho thức nhận biết.

k. *Về sự bao gồm*: **Địa đại** do nghiệp sinh được gồm chung với những **đại** do nghiệp sinh khác. Cũng thế, những **đại** do thức sinh được gồm chung với nhau.

l. *Về phương diện điều kiện*: **Địa đại** được giữ lại nhờ **nước**, được duy trì bởi **lửa**, và bành trướng nhờ **phong**. Như vậy, các đại đều là nhân duyên cho nhau, đại này làm điều kiện cho đại khác tồn tại.

m. *Về sự thiếu phản ứng ý thức*: **Địa đại** không biết "ta là địa đại", hoặc "ta là điều kiện cho các đại khác tồn tại". Đó là tính chất không có phản ứng ý thức của chúng.

n. *Về sự phân tích các duyên (điều kiện)*: có 4 duyên cho 4 đại chủng, đó là: nghiệp, thức, đường chất, và nhiệt độ (thời tiết). **Nghiệp** là sanh duyên cho những gì do nghiệp sanh, và là thân y duyên cho những cái còn lại. **Thức** là sanh duyên cho những gì do thức sanh, và là hậu sanh duyên, hữu duyên, bất ly khứ duyên cho những thứ còn lại. **Đường chất** và **Nhiệt độ** cũng tương tự như 2 loại trên.

LỢI ÍCH CỦA PHÁP MÔN NÀY

Vị Tỳ kheo chuyên phân tích về 4 đại thì dễ thấu hiểu được tính không của các pháp, do đó có thể đoạn trừ được cái tướng về chúng sinh, về tự ngã, nhiếp phục được sự sợ hãi, dứt được niệm ưa ghét. Nếu không đạt được Niết bàn hiện tại, thì cũng hướng đến một thiện thú tốt đẹp trong tương lai. Vị này thường có được 5 việc lợi ích sau đây: An trú trong giới luật của bậc thánh; trí tuệ khai phát, thấy đúng chân tướng của các sự vật; có thể đạt được thần túc thông, như một thân hiện ra nhiều thân; bảo đảm một cuộc sống tốt đẹp sau khi tái sinh trong cõi dục giới, hoặc sinh vào phạm thiên giới; có thể đạt được diệt thọ tướng định ngay trong hiện tại. Đó là 5 lợi ích của một người tu tập về pháp môn phân tích 4 đại chủng.

CHƯƠNG XII - ĐỊNH - CÁC THẦN THÔNG

1. THẦN TỨC THÔNG

Sau phần mô tả về 4 đại chủng là nói về các loại thần thông. Ở đây, trước hết bàn về **Thần tức thông**.

Hành giả muốn thực hiện các năng lực thần thông cần phải hoàn tất 8 thiện chứng về các đề mục thiện khởi từ đề mục đất và cuối cùng là đề mục màu trắng. Đồng thời vị ấy còn phải tăng trưởng 6 pháp sau đây: Tăng cường **Tin**, để tâm khỏi dao động; tăng cường **Tấn** để tâm khỏi giải đãi; tăng cường **Niệm** để tâm khỏi lơ đãng (thất niệm); tăng cường **Định**, để tâm khỏi trạo cử; tăng cường **Tuệ**, để tâm khỏi mê muội; tăng cường **Quán chiếu**, để tâm khỏi bị lung lạc (bởi phiền não). Đó là 6 pháp hỗ trợ làm cho tâm trở nên bất động.

Ngoài ra, còn có 8 pháp khác dùng để yểm trợ thần thông như sau: Tâm được **định tĩnh** nhờ định tứ thiên; tâm được **thuần tịnh** nhờ tách rời các triền cái, tâm được **trông sáng** nhờ vượt qua tâm; tâm **không lỗi lầm** nhờ không có các ác dục; tâm được **vô nhiễm** nhờ các câu uế biến mất, tâm được **nhu nhuyễn** nhờ sự tự chủ; tâm **để sử dụng** nhờ có quyết tâm; tâm **vững chắc** nhờ sự tu tập đã viên mãn.

Thông thường bản luận xếp các thứ thần thông (thành công) thành 10 loại, như sau: 1. Thần thông do quyết định; 2. Thần thông bằng biến hóa; 3. Thần thông bằng thân ý sinh; 4. Thần thông bằng sự can thiệp của trí; 5. Thần thông bằng sự can thiệp của định; 6. Thần thông của các thánh giả; 7. Thần thông do nghiệp; 8. Thần thông do công đức; 9. Thần thông do kỹ thuật; 10. Thần thông do nỗ lực đúng. Đó là 10 loại thần thông.

- 1. Thần thông do quyết định:** chẳng hạn hành giả quyết định biến một thân mình thành ra cả trăm, nghìn thân.
- 2. Thần thông do biến hoá:** Hành giả từ bỏ hình dáng thông thường và biến thành một cậu bé hay một con rắn.
- 3. Thần thông do thân ý sinh:** Hành giả dùng mãnh lực của tâm tạo ra một thân người theo ý đồ của mình.
- 4. Thần thông do sự can thiệp của trí:** Hành giả vận dụng trí tuệ đoạn trừ các lậu hoặc, đắc A La hán quả, đó là thần thông do trí can thiệp.
- 5. Thần thông do sự can thiệp của định:** Như trường hợp tôn giả Xá lợi Phất đang ngồi nhập định ngoài trời vào lúc đêm trăng, bỗng có một ác quỷ đến đánh vào đầu tôn giả vang tiếng như sấm nổ, nhưng tôn giả chẳng hề hấn gì cả. Đó là thần thông do định can thiệp.
- 6. Thần thông của các bậc thánh:** Hành giả có tâm thần nhiên đối với những gì đáng ghê tởm mà không ghê tởm, đó là thần thông của thánh giả.
- 7. Thần thông do quả báo của nghiệp:** Như trường hợp chư thiên hay các loài chim bay đi trong không trung, đó là thần thông do nghiệp.
- 8. Thần thông do công đức:** Như trường hợp Chuyển luân Vương du hành tự tại trong không gian, đó là thần thông do những công đức.
- 9. Thần thông do kỹ thuật:** Như trường hợp những thầy phù thủy dùng bùa chú có thể bay đi trong không trung, đó là thần thông do kỹ thuật.

10. **Thần thông do nỗ lực đúng:** Như hành giả nỗ lực tu tập mà đạt được giải thoát, hay bất cứ người học nghề gì, do nỗ lực tối đa mà học tập thành nghề; đó là thần thông do nỗ lực đúng đắn.

Trong 10 loại thần thông kể trên, chỉ có **thần thông do quyết định, do biến hóa và thân ý sinh** là thực sự được gọi là thần thông mà thôi.

Bây giờ, để trình bày về những phương diện khác nhau của loại thần túc thông này, ở đây, nên trích dẫn một đoạn kinh văn như sau: "Vị ấy một thân hóa thành nhiều thân, nhiều thân trở thành một thân. Vị ấy hiện ra rồi biến mất, hoặc đi ngang qua tường, qua vách núi, qua những chỗ kín bít không bị trở ngại như qua hư không. Vị ấy độn thổ rồi trôi lên mặt đất như thể là ở trong nước; hoặc đi trên nước như đi trên đất. Vị ấy ngồi kiết già mà đi trên hư không như con chim, với bàn tay, vị ấy sờ chạm mặt trăng, mặt trời, và những vật có đại oai lực như thế. Vị ấy thực hiện việc làm chủ thân xác cho đến tận Phạm thiên giới". (D I, 77)

Muốn thực hiện được các phép thần thông trên đây, hành giả trước hết phải hoàn tất các vấn đề sau: 1. Bốn cấp thiền; 2. Bốn yếu tố căn bản; 3. Tám bước; 4. Mười sáu trợ duyên và; 5. Trí quyết định.

1. **Về 4 cấp thiền:** như tôn giả Xá lợi Phất đã trình bày: "Sơ thiền, cõi phát sinh do viễn ly; Nhị thiền, cõi của hi và lạc; Tam thiền, cõi của xả và lạc; Tứ thiền, cõi của không lạc không khổ. Bốn cõi này của Thánh trí đưa đến sự chứng đắc các thần thông". (D. II. 205)

2. **Bốn yếu tố căn bản:** Định do **đục** và sự quyết tâm; định do **tinh tấn** và sự quyết tâm; định do **thanh tịnh tự nhiên** và sự quyết tâm; Định do **trạch pháp** và sự quyết tâm.

3. **Tám bước:** Y chỉ vào dục đạt được định, nhưng dục khác, định khác (bước 1-2); y chỉ vào tinh tấn đạt được định, nhưng tinh tấn khác, định khác (bước 3-4); y chỉ vào tâm (niệm) đạt được định, nhưng tâm khác, định khác (bước 5-6); y chỉ vào trạch pháp đạt được định, nhưng trạch pháp khác, định khác (bước 7-8).

4. **Mười sáu trợ duyên:** Tâm không chán nản nên không bị giải đãi làm dao động. Tâm không mừng rỡ nên không bị trạo cử làm dao động. Tâm không đam mê thì không bị tham dục làm dao động. Tâm không oán ghét thì không bị ác ý làm dao động. Tâm độc lập thì không bị tà kiến làm dao động. Tâm không dính mắc thì không bị tham lam làm dao động. Tâm giải thoát thì không bị ngũ dục làm dao động. Tâm không trói buộc (vì cấu uế) thì không bị cấu uế làm dao động. Tâm không còn rào ngăn thì không bị rào ngăn cấu uế làm dao động. Tâm chuyên nhất thì không bị cấu uế sai biệt làm dao động. Tâm tăng cường với tín, thì không bị nghi ngờ làm dao động. Tâm tăng cường bởi tấn, thì không bị uế oải làm dao động. Tâm tăng cường bởi niệm thì không bị lơ đãng làm dao động. Tâm tăng cường bởi định, thì không bị tán loạn làm dao động. Tâm tăng cường bởi tuệ thì không bị si mê làm dao động. Tâm quán chiếu thì không bị bóng tối vô minh làm dao động. Đó là 16 trợ duyên đưa đến chứng đắc thần thông (Ps. II, 206).

5. **Trí quyết định:** Hành giả nhập thiền về phương diện thánh trí và xuất thiền, rồi quyết định như sau: "Ta hãy biến ra 100, ta hãy biến ra 100". Đó là trí quyết định

Một thân biến thành nhiều thân: Hành giả muốn thực hiện phép thần thông này - hay các phép thần thông khác - cần phải vận dụng các pháp trợ duyên đã kể trên, rồi dùng ý chí quyết định: "Ta hãy biến ra nhiều thân.", rồi biến ra nhiều thân. Đó là trường hợp tôn giả Cù-la-panthaka (Châu-lợi Bàn-đà), như trong luận đã kể (Ps. II, 207). Tôn giả vốn tôi dạ, học cả 4 tháng trời mà không thuộc một bài kệ, người anh thầy định đuổi thầy ra khỏi tu viện, đức Thế Tôn thương tình, đưa thầy một miếng giẻ bắt thầy lau bụi. Nhưng lau được một ít lâu, miếng giẻ trở thành màu đen, Thầy nghĩ rằng: "Miếng vải vốn sạch, không có gì quấy ở nó, chỉ có chấp

ngã là sai lầm.", nhờ thế thầy đắc thiên chứng, và đạt được thần biến, một thân hiện ra nhiều thân.

Phép tàng hình - làm cho biến mất: Hành giả muốn thực hiện phép thần biến này thì phải xuất khỏi thiên căn bản và tác ý như sau: "Ánh sáng này hãy trở thành bóng tối", hoặc "Vật không bị che khuất này phải bị che khuất". Thế là vật ấy sẽ khuất dạng không ai còn trông thấy nữa.

Phép thần thông đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, không bị trở ngại như đi trên hư không: Hành giả muốn thực hiện phép thần biến này cần phải đắc thiên về biến xứ hư không và xuất thiên, rồi tác ý đến bức tường, bức vách như sau: "Hãy hiện ra hư không", thì nó sẽ thành hư không. Tuy nhiên, nếu núi hay vách tường đó do một vị có thần thông tạo ra trước, thì phép thần thông sau không thể hư vô hóa nó được, mà phải đi tránh qua nó.

Phép thần thông độn thổ, rồi trôi lên: Một hành giả muốn thực hiện phép này thì phải đắc thiên về biến xứ nước, rồi xuất khỏi thiên ấy, và quyết định rằng: "Đất đai vùng này hãy biến thành nước." Thế là đất đai vùng ấy đều hóa thành nước, và vị này có thể lặn xuống, trôi lên khỏi mặt đất như ở trong nước. Nhưng chỉ có vị này làm được thế, còn những người khác vẫn phải đi bộ trên đất ấy, vì đất vẫn nguyên trạng là đất.

Phép thần thông làm cho nước đông cứng: Hành giả muốn thực hiện phép thần biến này cần phải đắc thiên về biến xứ đất, rồi xuất thiên, và quyết định: "Nước ở tại chỗ này hãy biến thành đất.", thế là nước biến thành đất, và vị này có thể đi trên đó. Hơn nữa, vị này còn có thể biến nước thành ra ngọc, vàng, cây, đá v.v..., nếu vị này muốn.

Phép thần thông bay trên hư không: Hành giả muốn thực hiện phép này cần phải đắc thiên về biến xứ đất, rồi quyết định: "Hãy có đất", thế là đất hiện ra, và vị này có thể du hành trên ấy, nhưng vị này phải là người đã đắc thiên nhãn, để có thể tránh được những chướng ngại vật như núi, cây v.v..., trên đường đi.

Phép thần thông dùng bàn tay sờ mặt trăng, mặt trời: Phép thần biến này thực hiện được nhờ đắc thiên và tâm tự tại, chứ không cần phải đắc thiên bằng một biến xứ nào đặc biệt. Vị này tác ý đến mặt trời, mặt trăng, và quyết định với trí: "Nó hãy ở trong tâm tay ta.", thế là mặt trăng, mặt trời nằm ngay trong tâm tay, và vị này có thể dùng tay sờ mặt trăng, mặt trời.

Phép thần thông nhỏ biến thành lớn, lớn biến thành nhỏ: Con độc long Nandopananda ý mình có thần thông, đã biến thành vật không lồ nằm khoanh núi Tu Di 14 vòng, rồi tung bụi mù mịt để gây trở ngại đoàn du hành có đức Phật và Thánh chúng. Do đó Phật đã bảo tôn giả Mục Kiền Liên dùng thần lực hàng phục nó. Cuối cùng, nó đã bị chinh phục, và xin quy y Phật.

Phép thần thông rút hay tăng đường đất - làm cho xa trở thành gần hay gần thành xa: Hành giả muốn thực hiện phép này cần phải là người đã làm chủ được thân xác, và nếu muốn đi đến cõi Phạm thiên, liền quyết định: "Cõi Phạm thiên hãy đến gần đây." thế là nó đến gần. Hoặc đối với một chỗ rất gần nếu muốn nó xa, liền quyết định: "Chỗ này hãy cách xa ra", thế là chỗ ấy cách xa đến một mức độ mà hành giả muốn.

Phép thần thông biến ít thành nhiều: Tôn giả Mục Kiền Liên đã thực hiện phép này như kinh Bốn Sinh đã kể (Ja. I, 348). Có khi, đức Thế Tôn cũng từng biến một tô cháo, đủ cho cả Tăng chúng dùng một bữa no nê.

Ngoài ra, còn có các phép thần thông như biến nặng thành nhẹ, biến nhẹ thành nặng, hoặc biến mình thành một con voi hay một em bé, như trường hợp Đề Bà Đạt Đa đã làm (Vin. II, 185).

Chương XII này bàn về Thần túc thông, đến đây là kết thúc.

CHƯƠNG XIII - ĐỊNH - CÁC THẦN THÔNG (tiếp theo)

2. THIÊN NHĨ THÔNG

Bây giờ đến lượt mô tả về Thiên nhĩ thông, ta có thể dẫn đoạn kinh sau đây làm căn cứ: "Vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Với Thiên nhĩ thuần tịnh, siêu nhân, vị ấy nghe cả 2 loại âm thanh, âm thanh của Chư thiên và âm thanh của loài người, xa cũng như gần." (D. I, 79)

Thiên nhĩ thông: tức tai giống như tai của chư Thiên, vì chư thiên có khả năng nghe được một đối tượng âm thanh dù cách rất xa, do họ đã giải thoát khỏi các cấu uế.

Thuần tịnh: Thiên nhĩ này hoàn toàn trong sạch, không có cấu uế.

Siêu nhân: vượt khỏi phạm vi của loài người. Hành giả muốn thực hiện phép thần thông này cần phải đạt được thiên chứng căn bản về thắng trí, rồi xuất định và tác ý đến các âm thanh thô ở xa mà tâm tai có thể nghe được, như tiếng chuông, tiếng trống trong tu viện, hay tiếng sư tử trong rừng sâu. Thế rồi, vị ấy tuân tự tác ý đến những loại âm thanh vi tế, xa xôi ở 4 phương trời. Bây giờ diễn tiến 4 hoặc 5 **Tốc hành tâm** xảy ra. Ba hay 4 tâm đầu là giai đoạn chuẩn bị gồm có **tâm cận hành**, **tâm thuần thứ**, và **tâm chuyển tánh** thuộc dục giới, còn tâm thứ tư hay thứ 5 là **tâm an chỉ** thuộc thiên thứ tư ở Sắc giới. Hành giả định giới hạn từ một tu viện, đến một khu làng, dần dần đến cả thế giới hay xa hơn nữa, tất cả âm thanh trong phạm vi ấy đều nghe được, nếu hành giả tác ý đến nó. Đây là cách hành giả nói rộng tâm thiên nhĩ từng phạm vi.

3. THA TÂM THÔNG

Giải thích về Tha tâm thông, kinh văn viết như sau: "Vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Vị ấy dùng tâm của mình thâm nhập vào tâm của các chúng sinh khác, và hiểu chúng như sau: - Tâm có tham biết là tâm có tham; tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân; tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si; tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chặt hẹp biết là tâm chặt hẹp; tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; tâm đại hành biết là tâm đại hành; tâm không đại hành biết là tâm không đại hành; tâm hữu thượng biết là tâm hữu thượng; tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm định tĩnh biết là tâm định tĩnh; tâm không định tĩnh biết là tâm không định tĩnh; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát." (D.I,79). Đó là 16 loại tâm thông thường của các chúng sanh.

Tha tâm thông này sinh khởi được là nhờ có sự trợ giúp của Thiên nhân thông, và có thể thấy được máu trong tim của các chúng sinh đang hiện hữu. Nếu tâm của chúng sinh đó đang hoan hỷ, thì máu có màu đỏ; nếu tâm đang ưu sầu thì máu có màu hơi đen; nếu tâm an tịnh, thì máu có màu trong như dầu mè. Do quan sát như vậy mà thấy rõ tâm trạng của chúng sinh.

Chỉ khi Tha tâm thông được củng cố như thế, tâm hành giả mới dần dần biết được tâm trạng của chúng sinh ở cõi Sắc và Vô sắc mà không cần phải xem máu trong tim nữa.

Ở đoạn văn trích dẫn có mấy từ sau đây cần phải giải thích: **Tâm đại hành** là tâm thuộc phạm vi Sắc giới và Vô sắc giới. **Tâm không đại hành** tức ngược lại tâm trên. **Tâm hữu thượng** là tâm thuộc về 3 cõi. **Tâm vô thượng** là tâm siêu thế - vượt ngoài 3 cõi. **Tâm định tĩnh** là tâm đạt được định cận hành và định an chỉ. **Tâm không định tĩnh** là tâm không đạt cả 2. **Tâm giải thoát** là tâm đạt đến một trong 5 thứ giải thoát sau: Giải thoát bằng sự thay thế pháp đối lập (nhờ tuệ quán); giải thoát nhờ sự đàn áp các pháp chương ngại (nhờ định); giải thoát bằng sự đoạn trừ các chương ngại (nhờ đạo lộ); giải thoát bằng sự an tịnh (nhờ quả chứng); giải

thoát bằng sự từ bỏ (nhờ đạt được Niết bàn). **Tâm không giải thoát** là tâm chưa đạt được bất cứ giải thoát nào trong 5 loại trên.

4. TÚC MẠNG THÔNG

Để giải thích về Túc mạng thông, kinh văn viết: "Vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng thông, nhớ đến nhiều đời trước của mình, đó là: một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, 10 đời, 20 đời, 30 đời, 40 đời, 50 đời, 100 đời, 1000 đời, 100.000 đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ tại chỗ kia ta có tên như thế, chủng tộc như thế, tướng mạo như thế, đồ ăn như thế, thọ khổ lạc như thế, tuổi thọ như thế. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sinh ra tại chỗ nọ, tại đây, ta có tên như thế, chủng tộc như thế, tướng mạo như thế, ăn uống như thế, tuổi thọ như thế. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sinh ra ở đây. Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và chi tiết". (D. I. 81)

Túc mạng thông hay **Túc mạng trí** là cái trí nhớ lại những đời quá khứ. Trong trường hợp nhớ lại các đẳng Giác ngộ trong quá khứ đã cắt đứt dòng luân hồi, thì chỉ có các đẳng Giác ngộ mới làm được. Có 6 hạng người nhớ đời quá khứ, đó là: Ngoại đạo; đệ tử thường; đệ tử trẻ xuất sắc; đại đệ tử; Độc giác; Phật.

Ngoại đạo chỉ nhớ 40 kiếp về trước, không thể xa hơn nữa, vì trí tuệ họ yếu ớt. Những đệ tử thường nhớ đến 100 kiếp hay 1000 kiếp; vì trí tuệ họ mãnh liệt. Hạng đệ tử trẻ xuất sắc cũng thế. Nhưng các đại đệ tử nhớ được trăm nghìn kiếp hay một vô số kiếp về trước. Các bậc Độc giác nhớ được trăm nghìn kiếp và 2 vô số kiếp về trước. Còn với chư Phật thì trí nhớ không có giới hạn.

Bản luận nêu ví dụ: Cái thấy của **ngoại đạo** như **lửa dom đóm**; cái thấy của **phàm phu** như ánh đèn cây; cái thấy của **đệ tử xuất sắc** như **bó đuốc**; cái thấy của **đại đệ tử** như **sao mai**; của **Độc giác** như **mặt trăng**; của **chư Phật** như **muôn ngàn tia sáng mặt trời** vào mùa thu quang đàng.

Một Tỳ kheo mới tu tập muốn nhớ lại đời sống quá khứ theo cách trên, cần phải đi vào độc cư, tuân tự nhập 4 thiền và xuất thiền thứ tư thuộc căn bản thắng trí. Rồi vị ấy hướng tâm đến hành vi gần nhất của mình như lúc mới ngồi xuống, và đi ngược về quá khứ như các việc làm hôm qua, tháng trước, năm trước, v.v.. cho đến một đời, nhiều đời, hoại kiếp và thành kiếp, với những nét đại cương và chi tiết.

Về **hoại kiếp** có 3 loại tai nạn là hỏa tai, thủy tai, và phong tai. Đó gọi là tam tai. Ba loại tai họa này lần lượt xuất hiện để hủy diệt thế giới. Đầu tiên là hỏa tai nổi lên, từ một mặt trời lần lần đến 2 mặt trời xuất hiện rồi đến 7 mặt trời xuất hiện cùng lúc, thiêu hủy thế giới đến hết cõi Sơ thiên, và dừng lại ở Nhị thiên. Thế rồi thủy tai nổi lên phá hủy đến cõi Nhị thiên và dừng lại ở Tam thiên. Sau đó phong tai xuất hiện, phá hủy hết cõi Tam thiên và dừng lại ở Tứ thiên. Thoạt tiên liên tiếp khởi 7 trận hỏa tai, tiếp theo có một trận thủy tai nổi lên. Thủy tai này lập lại tới 7 lần thì đến trận phong tai. (Luận Câu xá q. 12: Theo bản luận cho biết khi tham dục quá cường thịnh thế giới sẽ bị hủy hoại bởi thủy tai. Khi sân hận quá cường thịnh thì thế giới sẽ bị hủy hoại bởi hỏa tai, và khi si mê quá cường thịnh thì thế giới bị hủy hoại bởi phong tai)

Ở đây thiết tưởng nên giảng rõ chữ kiếp để làm sáng tỏ vấn đề trên. **Kiếp** (kalpa) gồm có 3 loại: Tiểu kiếp, trung kiếp, và đại kiếp. **Tiểu kiếp**: Lấy đời sống của nhân loại ở mức độ 10 tuổi mà khởi sự, cứ qua 100 năm thì đời sống thêm một tuổi, cho đến lúc đời sống con người được 84.000 năm; đó là kiếp tăng. Rồi bắt đầu con người từ 84.000 tuổi, cứ qua 100 năm thì đời sống giảm một tuổi cho đến lúc đời sống con người chỉ còn 10 tuổi; đó là kiếp giảm. Một lần kiếp tăng và một lần kiếp giảm như vậy được kể là một **Tiểu kiếp**, gồm có 16.800.000 năm. **Trung kiếp**: Lần lượt đủ hai mươi tiểu kiếp được kể là một trung kiếp, gồm có (16.800.000 x 20 =) 336.000.000 năm. **Đại kiếp** có 4 trung kiếp. Trải qua Trung kiếp thứ nhất

gọi là **thành kiếp**; trải qua trung kiếp thứ nhì, gọi là **trụ kiếp**; trải qua trung kiếp thứ ba gọi là **Hoại kiếp**; trải qua trung kiếp thứ tư gọi là **Không kiếp**. Như vậy một **Đại kiếp** gồm có 4 giai đoạn là: **thành, trụ, hoại và không**, và thời gian là $(336.000.000 \times 4 =) 1.344.000.000$ năm. (Phật Học từ điển, mục từ Kiếp)

Về **Thành kiếp**: Sau một thời gian dài, đất bắt đầu xuất hiện. Nó có màu sắc và mùi vị như lớp ván trên mặt nồi com vừa cạn. Rồi những chúng sinh ở cõi trời Quang Âm, do hết phước và mạng chung, liền sinh đến đó. Chúng tự phát sáng, và du hành trong hư không. Thế rồi, nghe mùi đất thơm hấp dẫn, chúng nếm thử và thấy thích thú, nên ăn chất đất ấy càng lúc càng nhiều, do đó, ánh sáng của chúng tan biến. Vì vậy mặt trời xuất hiện; sau đó là mặt trăng và tinh tú xuất hiện. Từ đó hình thành thời gian, ngày đêm, tháng năm và thời tiết. Kế đến là núi non, sông biển và ngũ cốc xuất hiện.

Những chúng sinh sử dụng chất đất đầu tiên ấy, dần dần một số trở nên đẹp đẽ, một số xấu xí. Người đẹp khinh bỉ người xấu, do đó, chất đất tinh tú kia biến mất, và từ đất mọc lên một thứ cỏ, cây leo, lúa không có trấu cám. Rồi một ngọn lửa tự nhiên nấu chín lúa ấy thành com, có mùi thơm ngon, và chúng sinh dùng thứ com ấy. Do đó, nước tiểu và phân xuất hiện, dần dần nam căn và nữ căn xuất hiện. Vì có hình thức nam nữ khác nhau nên nam giới nghĩ tưởng nữ giới, nữ giới nghĩ tưởng nam giới. Do khoảng thời gian dài nghĩ tưởng về nhau, nên con số nhục dục sinh khởi, vì thế chúng bắt đầu hành lạc. Thấy cảnh hành lạc công khai chướng mắt, nên những người trí chi trích và trừng phạt những kẻ ấy. Từ đó, chúng bắt đầu xây nhà với mục đích che đậy những việc xấu kia, đồng thời dùng làm chỗ cất chứa thức ăn. Bấy giờ lúa sinh ra cám và trấu, và chúng phải đi lấy phần hằng ngày để về dùng. Do vậy chúng dựng lên những ranh giới để chia phần cho mỗi cá thể. Tuy thế, có người tham lam, lấy phần của người khác, vì vậy mà thành ra có sự ăn trộm. Do có sự trộm cắp, chúng bèn hội nhau lại, bầu ra một người lãnh tụ để giữ vai trò thưởng phạt, ổn định trật tự. Người đầu tiên được mọi người bầu làm lãnh tụ trong thời kiếp này chính là Đức Thế Tôn. Vì Ngài được tất cả mọi người trên thế gian này tín nhiệm, tôn kính, nên có danh hiệu là Thế Tôn. Ngài cũng có danh hiệu là điền chủ (khetta), lại được gọi là Sát đế lợi (Khattiya), tức giai cấp chiến sĩ cao quý. Ngài đem lại lợi ích cho mọi người một cách chính trực và công bằng, nên Ngài được gọi là một vị vua (Rājā). Sau đó là Bà la môn và những giai cấp khác được tuân tự thành lập. (D. III. 85)

5. THIÊN NHÂN THÔNG

Giải thích về Thiên nhân thông này, kinh văn viết: "Vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí biết về sự chết và tái sinh của chúng sinh. Với Thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, vị ấy thấy chúng sinh chết và sinh trở lại, chịu số phận hạ liệt hay cao sang, đẹp hay xấu, hạnh phúc hay bất hạnh; vị ấy biết hữu tình đi theo hạnh nghiệp của chúng: Những tôn giả chúng sinh này tạo ác nghiệp về thân, về lời, và về ý, phi báng các bậc Thánh, có tà kiến, tạo những nghiệp theo tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, đã sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục v.v... Còn những tôn giả chúng sinh này, tạo những thiện nghiệp về thân, về lời và về ý, không phi báng các bậc Thánh, có chánh kiến, tạo những nghiệp theo chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung đã sinh vào một thiện thú, thiên giới. Như vậy, với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân vị ấy thấy chúng sinh chết và tái sinh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng". (D. I, 82)

Thiên nhân: mắt của chư thiên. Vì nhân quang của chư thiên rất bén nhạy, do thiện nghiệp phát sinh, nên có thể trông thấy một đối tượng ở rất xa. Một tỷ kheo do tinh tấn tu hành, trong tâm trí cũng phát sinh một thứ nhân quang kỳ diệu như thế, nên gọi là **Thiên nhân**.

Hạ liệt: bị khinh bỉ, bị miệt thị v.v... Vì chúng tộc thấp hèn; do quả báo của **si**. **Caosang**: Ngược lại hạ liệt, do quả báo **không si**. **Đẹp**: có một bề ngoài dễ coi, khá ái, do quả báo của **vô sân**. **Xấu**: có một bề ngoài khó ưa, khá ó, do quả báo của **sân**. **May mắn**: đi đến một thiện thú, hoặc nơi giàu sang, do quả báo **không tham**. **Bất hạnh**: đi đến một ác thú, hoặc nơi

nghèo hèn, do quả báo của **tham lam**. **Hủy báng các bậc thánh**: Các bậc thánh gồm có Phật, Độc giác, các đệ tử Thanh văn, hoặc những gia chủ đã chứng Dự lưu quả. Hủy báng có 2 cách: hoặc là xúc phạm, khinh miệt họ; hoặc là phủ nhận những công đức phẩm hạnh của họ. Những ai đã hủy báng các vị ấy bằng một trong 2 cách thì phải sám hối hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp đối với họ. Nếu không sám hối thì đạo lộ tu hành sẽ bị chướng ngại.

Cõi dữ: đồng nghĩa với địa ngục. **Địa ngục**: là cảnh giới đau khổ cùng cực, đáng ghê sợ nhất .

Ác thú: là chỗ trú ẩn của những đau khổ.

Đọa xứ: nơi những người phạm tà hạnh rơi vào đó. Thông thường **cõi dữ** chỉ cho cảnh giới của loài súc sinh; **ác thú** là cảnh giới của ngựa quỳ; **đọa xứ** là cảnh giới của A tu la, nhưng cảnh giới này cũng có nghĩa là cõi dữ và ác thú.

Thiện thú: chỉ cho cảnh giới của nhân loại, còn cảnh giới của chư thiên thì thường gọi là **cõi trời**.

Một hành giả muốn thực hiện phép Thiên nhân thông cần phải tu tập thành tựu ba biển xứ: biển xứ lửa, biển xứ màu trắng và biển xứ ánh sáng. Nhưng biển xứ ánh sáng là tốt nhất.

TỔNG QUÁT:

Về loại Thần túc thông (đã trình bày ở chương XII) liên hệ đến 7 thứ đối tượng: đối tượng hữu hạn; đối tượng đại hành (cao cả); đối tượng quá khứ; đối tượng hiện tại; đối tượng vị lai; đối tượng bên trong; đối tượng bên ngoài. **Hữu hạn**: nghĩa là thuộc lãnh vực Dục giới; **đại hành** thuộc lãnh vực Sắc giới và Vô sắc giới; **bên trong** là ngay trong thân mình; **bên ngoài** là ở ngoài thân mình. Còn quá khứ, vị lai và hiện tại là khoảng thời gian trước, sau và ngay lúc ấy.

Về loại Thiên nhĩ thông gồm có 4 đối tượng: đối tượng hữu hạn; đối tượng hiện tại; đối tượng bên trong và đối tượng bên ngoài. Vì nó lấy âm thanh làm đối tượng, mà âm thanh thì có giới hạn, nên nó có một đối tượng **hữu hạn**. Vì nó phát sinh từ những âm thanh đang hiện hữu, nên nó có một đối tượng **hiện tại**.

Về Tha tâm thông gồm có 8 đối tượng: đối tượng hữu hạn; đại hành; vô lượng; đạo lộ; quá khứ; hiện tại; vị lai; bên ngoài. Vào lúc biết đạo và quả, nó có một đối tượng **vô lượng**. Vì một người thường (phàm phu) không thể biết được tâm của một bậc Dự lưu; một bậc Dự lưu không thể biết được tâm của một bậc Nhất lai; và cứ thế lên đến A la hán. Còn A la hán thì biết được tâm của tất cả. Vào lúc trí lấy tâm của một đạo lộ làm đối tượng, nó có một đối tượng **đạo lộ**.

Về Túc mạng thông gồm có 8 đối tượng: hữu hạn; đại hành; vô lượng; đạo lộ; quá khứ; bên trong; bên ngoài; không thể phân loại. Vào lúc nhớ lại các khái niệm như danh, tánh, trong quá khứ thì trí ấy có một đối tượng **không thể phân loại**. Ngoài ra những từ khác như đã giải thích ở trên.

Về Thiên nhân thông, luận chủ chia thành 3 loại: trí biết sự chết và tái sanh; trí biết vị lai; trí biết sở hành tùy theo nghiệp.

Trí biết sự chết và tái sanh gồm có 4 đối tượng: hữu hạn; hiện tại; bên trong; bên ngoài.

Trí biết vị lai tương ứng với 8 đối tượng: hữu hạn; đại hành; vô lượng; đạo lộ; vị lai; bên trong; bên ngoài; không thể xếp loại.

Trí biết sở hành tùy theo nghiệp tương ứng với 5 đối tượng: hữu hạn; đại hành; quá khứ; bên trong; bên ngoài. Về ý nghĩa các từ, xem những giải thích ở trên.

Theo quan điểm của luận chủ các loại thần thông- đôi khi còn gọi là thắng trí hay năng lực siêu nhiên - chỉ gồm có 5 thứ: Thần túc thông; Thiên nhĩ thông; Tha tâm thông; Túc mạng thông; Thiên nhãn thông. Nhưng thông thường kinh điển thêm một loại nữa là **Lậu tận thông**, thành ra 6 loại, và được gọi là lục thông.

Ba loại đầu thường gọi là thông, nhưng 3 loại sau còn gọi là minh hay trí như: Túc mạng minh hay Túc mạng trí; Thiên nhãn minh hay Thiên nhãn trí; Lậu tận minh hay Lậu tận trí.

Đến đây, bản luận kết thúc phần thứ hai trình bày về **Định**, và chuyển sang phần thứ ba trình bày về **Tuệ**.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08](#) | [Mục lục](#)

*Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản vi tính
(Bình Anson, tháng 09-2001)*

[[Trở về trang Thư Mục](#)]

updated: 01-09-2001